

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022-2023 KHỐI 7

MÔN NGỮ VĂN - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết (Chọn 1 trong 2 đề)	1.Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. 2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ đã học hoặc đã đọc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

- **Ghi chú:** Phân viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

MÔN TOÁN - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ. (18 tiết)	Nội dung 1: Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	TN:1,2 Điểm: (0,5 đ)	Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)		Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)					5,75
		Nội dung 2: Các phép tính với số hữu tỉ.	TN:3 Điểm: (0,25 đ)	Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)				Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)	Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)		
2	Chủ đề 2: Các hình khối trong thực tiễn. (14 tiết)	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	TN:4.6 Điểm: (0,5 đ)		TN:7 Điểm: (0,25 đ)			Số câu: 1 Điểm: (1,0 đ)			4,25
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	TN:5 Điểm: (0,25 đ)		TN:8 Điểm: (0,25 đ)	Số câu: 1 Điểm: (2,0 đ)					
Tổng: Số câu Điểm			6 1,5	2 2	2 0,5	3 3		2 2,0		1 1,0	18 10
Tỉ lệ %			35%		35%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

Chú ý: Tổng tiết: **32 tiết.**

Thời gian kiểm tra: Tuần 9 – Học kì I (Số học: 18 tiết (hết chương 1), Hình học 14 tiết (hết chương 3)).

MÔN TIẾNG ANH – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

STT	Dạng bài	Chuẩn kiến thức		Mức độ								Số câu	Điểm số
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
				TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN		
I	Multiple choice	-Preposition (2)			2							16	4.0
		-Pronunciation (2)			1		1						
		- Stress (2)							2				
		-Vocabulary (3)			1		1		1				
		-Grammar (3)			1		2						
		-Language function (2)			1				1				
		-Signs (2)			1		1						
II	Reading	-Passage 1:	cloze test (6)		3		2		1			12	3.0
		-Passage 2:	true/false (4)		1		1		1		1		
			Multiple choice (2)		1		1						
III	Writing	-Word form (6)		3		1		1		1		6	1.5
		-Rearrange the words or phrases (2)				1				1		2	0.5
		-sentence transformation (4) * verbs of liking+ V.ing ((not) like,be (not) interested in, (not) enjoy, be (not) into, hate, dislike) * let↔ allow * on foot↔ walk * suggestions (what about/let's/ why don't we/ how about) * there is/are↔ have/has got		1		1		1		1		4	2.0
Tổng số câu				16		12		8		4		40	
Tổng điểm				4		3		2		1			10.0
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%		100%	

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT

Chủ đề	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ								Tổng số ý/câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
Mở đầu (5 tiết)	1 (1 ý)								1 (2 ý)		1,0
Chủ đề 1:Nguyên tử- Nguyên tố hóa học – Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (15 tiết)											
Nguyên tử. (4 tiết)		2	1 (2 ý)	2					1 (2 ý)	4	2,0
Nguyên tố hoá học (3 tiết)		4	1 (1 ý)						1 (1 ý)	4	1,5
Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (8 tiết)	1 (1 ý)	4	1 (2 ý)		1 (2 ý)				3 (5 ý)	4	3,5
Chủ đề 2 Phân tử (4 tiết)											
Phân tử; đơn chất; hợp chất (4 tiết)		2	1 (1 ý)	2	1 (2 ý)				2 (3 ý)	4	2,0
Tổng số ý/ câu	2	12	4	4	2				8	16	10,00
Điểm số	1,0	3,0	3,0	1,0	2,0				6,0	4,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		4,0 điểm		2,0 điểm				10 điểm		10 điểm